



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BAO BÌ BIÊN HÒA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào  
ngày 30 tháng 06 năm 2013



## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2013	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 30
<u>Phụ lục 1</u> : Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2013	31



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 06 tháng 04 năm 2012.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 89.189.900.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 bao gồm:

- Chi nhánh đặt tại Lô B\_6A\_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 46211000796 ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Bình Dương cấp.
- Văn phòng đại diện đặt tại Số 20 Lý Tự Trọng, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất giấy nhẵn, bì nhẵn, bao bì từ giấy và bì;
- Sản xuất giấy;
- Bán buôn nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;
- In ấn.

### 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Quốc Tuyên	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Điều	Phó Chủ tịch
Ông Trần Trang Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Diệp	Thành viên
Ông Hoàng Ngọc Lựu	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Hữu Đức	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Toàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	Thành viên

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Quốc Tuyên	Giám đốc
Ông Phạm Văn Điều	Phó Giám đốc
Ông Trần Trang Bình	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Phó Giám đốc

**3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013**

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty Kiểm toán DTL.

**4. Cam kết của Giám đốc**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty.

**6. Ý kiến của Giám đốc**

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bằng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 13 tháng 08 năm 2013



**LÊ QUỐC TUYÊN**





Số: 14.118/BCSX-DTL

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh 6 tháng đầu năm 2013 được lập ngày 13 tháng 08 năm 2013 của Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 30 kèm theo. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2013

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LỤC THỊ VÂN**

Giấy Chứng nhận Đăng ký  
hành nghề kiểm toán số 0172-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**NGUYỄN CHÁNH THÀNH**

Giấy Chứng nhận Đăng ký  
hành nghề kiểm toán số 0544-2013-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>297.680.873.781</b>	<b>294.403.912.864</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>11.099.686.688</b>	<b>43.694.913.350</b>
1. Tiền	111		11.099.686.688	12.694.913.350
2. Các khoản tương đương tiền	112			31.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	(5.2)	<b>163.290.355.619</b>	<b>162.796.735.476</b>
1. Phải thu khách hàng	131		160.128.910.282	156.448.185.807
2. Trả trước cho người bán	132		2.336.672.024	5.423.321.210
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		1.223.680.460	1.161.423.829
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(398.907.147)	(236.195.370)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	(5.3)	<b>120.578.157.467</b>	<b>84.884.988.529</b>
1. Hàng tồn kho	141		120.578.157.467	84.884.988.529
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.712.674.007</b>	<b>3.027.275.509</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.4)	1.644.585.372	238.788.699
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		800.593.860	2.267.610.810
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		267.494.775	520.876.000

(Phần tiếp theo ở trang 5)



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>232.853.592.669</b>	<b>255.258.581.041</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>191.947.355.972</b>	<b>218.611.741.839</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	182.253.258.310	206.388.022.709
+ Nguyên giá	222		370.373.427.837	370.792.918.916
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(188.120.169.527)	(164.404.896.207)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	(5.6)	9.074.830.432	11.667.639.130
+ Nguyên giá	225		12.964.043.478	12.964.043.478
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.889.213.046)	(1.296.404.348)
3. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228		1.471.867.089	1.471.867.089
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.471.867.089)	(1.471.867.089)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		619.267.230	556.080.000
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	(5.7)	4.000.000.000	4.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>36.906.236.697</b>	<b>32.646.839.202</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.8)	32.304.080.842	31.550.833.202
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	(6.8)	3.506.149.855	
3. Tài sản dài hạn khác	268	(5.9)	1.096.006.000	1.096.006.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>530.534.466.450</b>	<b>549.662.493.905</b>

(Phần tiếp theo ở trang 6)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>307.342.745.032</b>	<b>358.170.003.851</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>233.272.335.976</b>	<b>284.361.749.675</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.10)	69.469.576.326	104.999.084.795
2. Phải trả người bán	312	(5.11)	105.236.085.804	107.439.533.963
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.11)	734.020.967	14.979.657
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.12)	3.570.500.196	2.635.941.732
5. Phải trả người lao động	315	(5.13)	20.956.180.705	30.461.532.013
6. Chi phí phải trả	316	(5.14)	11.151.604.223	6.589.694.331
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.15)	12.411.605.748	17.757.724.538
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.16)	9.742.762.007	14.463.258.646
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>74.070.409.056</b>	<b>73.808.254.176</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.17)	74.070.409.056	73.808.254.176
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>223.191.721.418</b>	<b>191.492.490.054</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.18.1)	<b>223.191.721.418</b>	<b>191.492.490.054</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.18.2)	89.189.900.000	89.189.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.940.453.510	14.940.453.510
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(408.640.209)	(408.640.209)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.348.924.685	11.348.924.685
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.674.462.342	5.674.462.342
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.18.6)	102.446.621.090	70.747.389.726
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>530.534.466.450</b>	<b>549.662.493.905</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

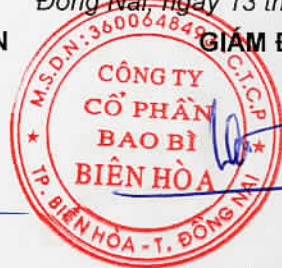
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		552.450.545	552.450.545
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		189.966,79	159.979,37
+ EUR		949,84	949,84
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Đồng Nai, ngày 13 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC



LÝ PHÁT

NGUYỄN HOÀNG

LÊ QUỐC TUYẾN

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		438.578.808.693	382.309.200.200
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		21.770.000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	438.557.038.693	382.309.200.200
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	369.940.557.049	321.951.639.540
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68.616.481.644	60.357.560.660
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	1.064.277.414	4.371.423.760
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	7.748.563.017	3.999.287.871
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		6.957.879.002	3.498.427.364
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	21.797.366.505	17.380.559.233
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	7.654.101.698	7.916.508.582
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.480.727.838	35.432.628.734
11. Thu nhập khác	31		875.331.724	512.032.673
12. Chi phí khác	32		565.275.111	120.721.932
13. Lợi nhuận khác	40		310.056.613	391.310.741
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.790.784.451	35.823.939.475
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.7)	3.660.265.661	2.887.310.285
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(6.8)	(3.506.149.855)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.636.668.645	32.936.629.190
18. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phần	70	(5.18.5)	3.669	3.703

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Đồng Nai, ngày 13 tháng 08 năm 2013

GIÁM ĐỐC





LÝ PHÁT

NGUYỄN HOÀNG

LÊ QUỐC TUYÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.790.784.451	35.823.939.475
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		28.755.998.943	8.195.639.237
Các khoản dự phòng	03		162.711.777	19.513.428
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		372.202.090	(235.097.044)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.031.685.925)	(4.101.571.564)
Chi phí lãi vay	06		6.957.879.002	3.498.427.364
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>68.007.890.338</b>	<b>43.200.850.896</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.003.068.684	11.751.609.498
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(35.693.168.938)	40.113.818.767
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(11.463.522.410)	(10.675.934.569)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.424.290.673)	(11.417.503.410)
Tiền lãi vay đã trả	13		(7.079.046.088)	(7.282.574.355)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.523.381.240)	(3.062.444.356)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.135.164.501)	(4.477.215.546)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>		<b>4.692.385.172</b>	<b>58.150.606.925</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.826.366.716)	(97.704.843.303)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.092.970.648	4.101.571.564
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.733.396.068)</b>	<b>(93.603.271.739)</b>

(Phần tiếp theo ở trang 10)



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		141.892.290.383	160.567.216.417
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(177.476.961.484)	(124.602.566.162)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(4.447.170.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(35.584.671.101)</b>	<b>31.517.480.255</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(32.625.681.997)</b>	<b>(3.935.184.559)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>43.694.913.350</b>	<b>87.364.868.785</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		30.455.335	(1.275.145)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>11.099.686.688</b>	<b>83.428.409.081</b>

Đồng Nai, ngày 13 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

GIAM ĐỐC



LÝ PHÁT



NGUYỄN HOÀNG



LÊ QUỐC TUYÊN

# **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.*

### **1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 06 tháng 04 năm 2012.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 89.189.900.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 bao gồm:

- Chi nhánh đặt tại Lô B\_6A\_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 46211000796 ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Bình Dương cấp.
- Văn phòng đại diện đặt tại Số 20 Lý Tự Trọng, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

#### **1.2. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất giấy;
- Bán buôn nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;
- In ấn.

### **2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

#### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### **3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### **3.2. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

#### **3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### 4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### 4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Thời gian khấu hao	Tỷ lệ khấu hao nhanh
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm	1
+ Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm	2
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm	2
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm	2
+ Tài sản cố định khác	04 năm	2

### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Chính sách khấu hao được áp dụng nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 4.8. Lương

Quý lương của Công ty được tính căn cứ vào Biên bản thống nhất đơn giá tiền lương đã được Sở Lao Động Thương Binh Xã Hội ký duyệt vào ngày 07 tháng 05 năm 2013 như sau:

+ Bao bì Carton	:	9,8% doanh thu
+ Giấy bìa hộp	:	1.566.465 đồng/tấn
+ Bao bì Offsets	:	12,7% doanh thu

### 4.9. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

### 4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Quỹ dự phòng tài chính được trích bằng 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, tuy nhiên không vượt 10% vốn điều lệ.

Quỹ đầu tư phát triển được trích bằng 10% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích bằng 15% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

### 4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp, doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 4.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế:
  - + Theo Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 và Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài Chính, Trụ sở chính được miễn thuế 3 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2004) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo với thuế suất ưu đãi là 15% trong 12 năm.
  - + Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 và Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, đối với phần thu nhập từ dự án đầu tư tại Chi nhánh tại Lô B\_6A\_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương áp dụng thuế suất 25%.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 4.13. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

#### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn vào cổ phiếu chưa niêm yết và tài sản tài chính khác.

#### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

## 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	53.729.975	38.189.183
Tiền gửi ngân hàng	11.045.956.713	12.656.724.167
Các khoản tương đương tiền	-	31.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.099.686.688</b>	<b>43.694.913.350</b>

### 5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	160.128.910.282	156.448.185.807
Trả trước cho người bán	2.336.672.024	5.423.321.210
Các khoản phải thu khác	1.223.680.460	1.161.423.829
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>163.689.262.766</b>	<b>163.032.930.846</b>
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(398.907.147)	(236.195.370)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>163.290.355.619</b>	<b>162.796.735.476</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty - Xem thêm Phụ lục 1. Trong đó, khoản phải thu các bên liên quan là 446.916.360 đồng - Xem thêm mục 8.

Giá trị các khoản phải thu đang được thế chấp tại ngân hàng là 80 tỷ đồng và 2.000.000 USD - Xem thêm mục 5.10.

### 5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	2.907.675.857	-
Nguyên liệu, vật liệu	105.056.209.445	74.663.487.164
Công cụ, dụng cụ	350.613.223	318.375.522
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.546.618.390	2.157.754.931
Thành phẩm	8.717.040.552	7.745.370.912
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>120.578.157.467</b>	<b>84.884.988.529</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>120.578.157.467</b>	<b>84.884.988.529</b>

Giá trị hàng tồn kho đang được thế chấp tại ngân hàng là 20 tỷ đồng và 2.000.000 USD - Xem thêm mục 5.10.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	444.156.745	34.992.666
Chi phí bảo hộ lao động	884.036.669	-
Chi phí bảo hiểm tài sản	271.798.213	-
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	-	149.987.700
Khác	44.593.745	53.808.333
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.644.585.372</b>	<b>238.788.699</b>

(Phần tiếp theo ở trang 18)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIỂN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	142.392.831.877	211.534.085.395	8.159.475.721	8.138.015.378	568.510.545	370.792.918.916
Mua trong kỳ	677.489.498	917.640.212	1.093.311.140	74.738.636	-	2.763.179.486
Phân loại sang công cụ, dụng cụ	(61.732.000)	(1.181.595.085)	(31.081.818)	(1.780.946.935)	(127.314.727)	(3.182.670.565)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>143.008.589.375</b>	<b>211.270.130.522</b>	<b>9.221.705.043</b>	<b>6.431.807.079</b>	<b>441.195.818</b>	<b>370.373.427.837</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	20.393.365.627	134.762.373.395	6.121.647.940	3.038.641.251	88.867.994	164.404.896.207
Khấu hao trong kỳ	3.400.649.762	20.687.114.746	642.590.583	1.323.413.777	109.421.377	26.163.190.245
Phân loại sang công cụ, dụng cụ	(61.732.000)	(1.067.015.257)	(15.256.820)	(1.278.093.169)	(25.819.679)	(2.447.916.925)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>23.732.283.389</b>	<b>154.382.472.884</b>	<b>6.748.981.703</b>	<b>3.083.961.859</b>	<b>172.469.692</b>	<b>188.120.169.527</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	121.999.466.250	76.771.712.000	2.037.827.781	5.099.374.127	479.642.551	206.388.022.709
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>119.276.305.986</b>	<b>56.887.657.638</b>	<b>2.472.723.340</b>	<b>3.347.845.220</b>	<b>268.726.126</b>	<b>182.253.258.310</b>

- Nguyên giá của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 185.885.080.000 đồng - Xem thêm mục 5.10 và 5.17.
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 132.673.856.701 đồng.

▪ Các tài sản phân loại sang công cụ, dụng cụ là các tài sản cố định trước đây theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

## 5.6. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	12.964.043.478
Thuê tài chính trong kỳ	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>12.964.043.478</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	1.296.404.348
Khấu hao trong kỳ	2.592.808.698
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.889.213.046</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu năm	11.667.639.130
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>9.074.830.432</b>

## 5.7. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Tam Phước với số tiền 4 tỷ đồng, tương đương 400.000 cổ phần tương ứng tỷ lệ góp vốn là 1%.

## 5.8. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	28.495.652.045	28.878.878.021
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.853.213.407	2.310.190.565
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	584.110.940	361.764.616
Khác	371.104.450	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.304.080.842</b>	<b>31.550.833.202</b>

## 5.9. Tài sản dài hạn khác

Chủ yếu là khoản đặt cọc 8% giá mua tài sản thuê tài chính với số tiền là 1.086.406.000 đồng.

## 5.10. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	54.736.198.615	82.343.495.640
Vay Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ - Xem thêm mục 8	8.000.000.000	5.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	5.850.304.880	15.943.615.390
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	883.072.831	1.711.973.765
<b>Tổng cộng</b>	<b>69.469.576.326</b>	<b>104.999.084.795</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Vay ngân hàng chủ yếu là các khoản vay chịu lãi suất từ 3,4%/năm đến 7,5%/năm. Các khoản vay này phải thế chấp bằng:

- Giá trị các khoản phải thu là 80 tỷ đồng và 2.000.000 USD - Xem thêm mục 5.2.
- Giá trị hàng tồn kho là 20 tỷ đồng và 2.000.000 USD - Xem thêm mục 5.3.
- Nguyên giá của tài sản cố định là 15.647.000.000 đồng - Xem thêm mục 5.5.

Vay Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai có thời hạn 1 năm, mục đích vay thanh toán chi phí đầu tư dự án Nhà máy sản xuất bao bì Carton công suất 30.000 tấn/năm tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, lãi suất cho vay áp dụng theo giấy báo tính lãi hàng kỳ và được thế chấp bằng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là máy móc, thiết bị với số tiền là 10.500.000.000 đồng - Xem thêm mục 5.5.

Vay dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.17.

Nợ thuê tài chính đến hạn trả - Xem thêm mục 5.17 và mục 9.

### 5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	105.236.085.804	107.439.533.963
Người mua trả tiền trước	734.020.967	14.979.657
<b>Tổng cộng</b>	<b>105.970.106.771</b>	<b>107.454.513.620</b>

Phải trả người bán là khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty - Xem thêm Phụ lục 1.

### 5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	817.614.776	-
Thuế nhập khẩu	277.196.093	375.820.969
Thuế thu nhập cá nhân	222.529.017	1.143.844.874
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.253.160.310	1.116.275.889
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.570.500.196</b>	<b>2.635.941.732</b>

### 5.13. Phải trả người lao động

Là khoản trích lương nhưng thực tế chưa chi.

### 5.14. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí thuê đất và phí quản lý	5.614.363.673	3.126.878.668
Chi phí vận chuyển	3.807.150.462	2.000.000.000
Chi phí hơi bão hòa	804.207.205	292.791.053
Chi phí gia công	158.156.693	479.025.635
Chi phí lãi vay	73.333.333	140.680.975
Chi phí khác	694.392.857	550.318.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.151.604.223</b>	<b>6.589.694.331</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	87.708.398	4.469.700
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	498.534.775	11.889.026
Cổ tức phải trả	175.000	175.000
Thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	-	160.548.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>11.825.187.575</u>	<u>17.580.642.512</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>12.411.605.748</u></b>	<b><u>17.757.724.538</u></b>

Các khoản phải trả, phải nộp khác chủ yếu là khoản phải trả nhà cung cấp tạm giữ lại chờ quyết toán công trình xây dựng cơ bản Chi nhánh đặt tại Lô B\_6A\_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương với số tiền là 11.597.359.215 đồng.

### 5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	14.463.258.646	10.167.287.214
Trích lập trong kỳ	627.030.581	465.011.541
Sử dụng trong kỳ	<u>(5.347.527.220)</u>	<u>(4.155.735.546)</u>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>9.742.762.007</u></b>	<b><u>6.476.563.209</u></b>

### 5.17. Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	66.059.221.508	65.797.066.628
Nợ thuê tài chính	<u>8.011.187.548</u>	<u>8.011.187.548</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>74.070.409.056</u></b>	<b><u>73.808.254.176</u></b>

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 52 tháng đến 96 tháng với lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Số dư nợ gốc đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 71.909.526.388 đồng, trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 5.850.304.880 đồng - Xem thêm mục 5.10.

Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Nguyên giá của tài sản cố định là 159.738.080.000 đồng - Xem thêm mục 5.5.
- Quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thuê lại đất số 42/HDLĐ ngày 24 tháng 02 năm 2011 - Xem thêm mục 5.8.

Nợ thuê tài chính là các khoản thuê tài chính máy in Flexo Sunrise 3 màu với thời hạn 5 năm. Số dư nợ gốc đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 8.894.260.379 đồng, trong đó nợ thuê tài chính đến hạn trả là 883.072.831 đồng - Xem thêm mục 5.10.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÀO BÌ BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.18. Vốn chủ sở hữu**

**5.18.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	89.189.900.000	14.940.453.510	(408.640.209)	5.386.162.727	2.693.081.363	47.853.366.006	159.654.323.397
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	59.997.248.847	59.997.248.847
Tặng khác	-	-	-	-	-	234.135.772	234.135.772
Trích quỹ	-	-	-	5.962.761.958	2.981.380.979	-	8.944.142.937
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	(37.337.360.899)	(37.337.360.899)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>89.189.900.000</b>	<b>14.940.453.510</b>	<b>(408.640.209)</b>	<b>11.348.924.685</b>	<b>5.674.462.342</b>	<b>70.747.389.726</b>	<b>191.492.490.054</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	32.636.668.645	32.636.668.645
Giảm trong trong kỳ	-	-	-	-	-	(937.437.281)	(937.437.281)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>89.189.900.000</b>	<b>14.940.453.510</b>	<b>(408.640.209)</b>	<b>11.348.924.685</b>	<b>5.674.462.342</b>	<b>102.446.621.090</b>	<b>223.191.721.418</b>

(Phân tiếp theo ở trang 23)

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	47.780.510.000	54%	47.780.510.000	54%
Các cổ đông khác	41.409.390.000	46%	41.409.390.000	46%
<b>Tổng cộng</b>	<b>89.189.900.000</b>	<b>100%</b>	<b>89.189.900.000</b>	<b>100%</b>

Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2013, các cổ đông Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

### 5.18.3. Cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức đã chi trả trong kỳ:	-	4.447.170.000

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên lần X năm 2012 ngày 29 tháng 03 năm 2013:

- Cổ tức năm 2012 là 20%/mệnh giá cổ phần. Trong năm 2012, Công ty đã chi trả toàn bộ cổ tức.
- Cổ tức năm 2013 dự kiến được chia với tỷ lệ từ 20%/mệnh giá cổ phần trở lên.

### 5.18.4. Cổ phần

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	8.918.990	8.918.990
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	8.918.990	8.918.990
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	24.300	24.300
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.894.690	8.894.690
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

### 5.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	32.636.668.645	32.936.629.190
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	8.894.690	8.894.690
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>3.669</b>	<b>3.703</b>

### 5.18.6. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	70.747.389.726	47.853.366.006
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	32.636.668.645	32.936.629.190
Trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(465.011.541)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	(937.437.281)	(315.480.000)
Chi khác	-	(1.666.092)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>102.446.621.090</b>	<b>80.007.837.563</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

#### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán sản phẩm Carton	369.290.435.782	322.010.881.982
Doanh thu bán sản phẩm Offsets	57.783.045.411	46.387.923.417
Doanh thu bán hàng khác	11.505.327.500	13.910.394.801
Các khoản giảm trừ doanh thu	(21.770.000)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>438.557.038.693</u></b>	<b><u>382.309.200.200</u></b>

Trong đó, doanh thu bán sản phẩm cho Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ với số tiền là 4.998.722.070 đồng - Xem thêm mục 8.

#### 6.2. Giá vốn hàng bán

Chủ yếu là giá vốn thành phẩm đã bán.

#### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	433.609.536	4.101.571.564
Lãi cho Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ vay - Xem thêm mục 8	198.076.389	-
Lãi cổ tức	400.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.095.673	27.495.726
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	242.356.470
Khác	6.495.816	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.064.277.414</u></b>	<b><u>4.371.423.760</u></b>

#### 6.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay ngân hàng, thuê tài chính	6.544.337.336	3.498.427.364
Chi phí lãi vay Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ - Xem thêm mục 8	413.541.666	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	418.481.925	493.601.081
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	372.202.090	7.259.426
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>7.748.563.017</u></b>	<b><u>3.999.287.871</u></b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên bán hàng	10.745.985.566	8.340.608.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.845.678.755	8.916.055.769
Chi phí bằng tiền khác	205.702.184	123.894.814
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.797.366.505</b>	<b>17.380.559.233</b>

### 6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.750.288.418	3.991.264.902
Chi phí vật liệu quản lý	47.794.342	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	311.554.159	255.859.144
Chi phí khấu hao tài sản cố định	404.211.425	467.575.735
Thuế, phí, lệ phí	66.328.156	31.864.456
Chi phí dự phòng	162.711.777	19.513.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài	510.916.372	296.077.774
Chi phí bằng tiền khác	2.400.297.049	2.854.353.143
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.654.101.698</b>	<b>7.916.508.582</b>

### 6.7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	32.790.784.451	35.823.939.475
Khoản lỗ phát sinh tại Chi nhánh Mỹ Phước	14.561.695.009	-
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	2.418.900.763	343.536.563
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(430.742.487)	-
Trừ thu nhập khác chịu thuế suất 25%	(537.095.588)	(998.569.041)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	48.803.542.148	35.168.906.997
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	15%	15%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	7.320.531.322	5.275.336.050
Trừ thuế TNDN được giảm (50%)	(3.660.265.661)	(2.637.668.025)
Cộng khoản thuế TNDN từ thu nhập khác	-	249.642.260
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ</b>	<b>3.660.265.661</b>	<b>2.887.310.285</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Khoản lỗ phát sinh tại Chi nhánh Mỹ Phước được cộng vào lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ do Công ty không bù trừ giữa lãi từ Trụ sở chính và lỗ từ chi nhánh để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như:

- Khoản chi thực tế phát sinh không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản phải thu có gốc ngoại tệ.

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế là lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ và thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn sau khi bên nhận góp vốn đã nộp thuế TNDN theo quy định của Luật thuế TNDN.

### 6.8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong kỳ và năm trước được trình bày như sau:

	Lỗ tính thuế chưa sử dụng
Số dư đầu năm trước	-
Hạch toán là thu nhập (chi phí) trong kết quả kinh doanh năm trước	-
Số dư đầu năm nay	-
Hạch toán là thu nhập (chi phí) trong kết quả kinh doanh trong kỳ	3.506.149.855
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.506.149.855</b>

### 6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	298.451.075.873	265.585.257.219
Chi phí nhân công	43.636.625.597	38.412.990.222
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.755.998.943	8.195.639.237
Chi phí dự phòng	162.711.777	19.513.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.758.188.048	15.314.510.933
Chi phí bằng tiền khác	7.987.958.113	8.282.531.213
<b>Tổng cộng</b>	<b>401.752.558.351</b>	<b>335.810.442.252</b>

## 7. Báo cáo bộ phận

Theo đánh giá của Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất, hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động của Công ty hoàn toàn là sản xuất giấy; bán buôn nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh tại Bình Dương, Việt Nam. Trong kỳ, doanh thu phát sinh từ Trụ sở chính chiếm tỷ trọng 93,44% tổng doanh thu toàn Công ty. Theo đánh giá của Giám đốc Công ty, không có sự khác biệt đáng kể về môi trường kinh tế mà có thể ảnh hưởng đến rủi ro và lợi ích kinh tế của các bộ phận theo khu vực địa lý; cũng như chi nhánh nêu trên chưa đủ điều kiện để thuyết minh là một báo cáo bộ phận riêng biệt theo Chuẩn mực số 28 "Báo cáo bộ phận".

Do vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh và khu vực địa lý.



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

## 8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các bên sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ
Ông Lê Quốc Tuyên	Giám đốc

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu, phải trả với Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ như sau:

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Cho vay	-	11.000.000.000
Phải thu - Xem thêm mục 5.2	446.916.360	237.435.462
Vay - Xem thêm mục 5.10	(8.000.000.000)	(5.000.000.000)
Phải trả	-	(53.819.444)

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ với Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ như sau:

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Doanh thu bán hàng - Xem thêm mục 6.1	4.998.722.070	4.775.234.015
Lãi cho vay - Xem thêm mục 6.3	198.076.389	-
Lãi vay - Xem thêm mục 6.4	(413.541.666)	-

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Giám đốc:

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Thù lao Hội đồng quản trị	269.276.700	233.720.000
Thu nhập của Giám đốc	222.333.712	277.834.693
<b>Tổng cộng</b>	<b>491.610.412</b>	<b>511.554.693</b>

## 9. Các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài chính

Công ty đang đang thuê máy in Flexo Sunrise 3 màu với thời gian sử dụng ước tính theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn 5 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Từ 1 năm trở xuống - Xem thêm mục 5.10	883.072.831	1.711.973.765
Trên 1 năm đến 5 năm - Xem thêm mục 5.17	8.011.187.548	8.011.187.548
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.894.260.379</b>	<b>9.723.161.313</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 10. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	30/06/2013	01/01/2013
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.099.686.688	43.694.913.350
Phải thu khách hàng và phải thu khác	160.051.821.458	156.474.051.816
Đầu tư dài hạn	4.000.000.000	4.000.000.000
Tài sản tài chính khác	1.096.006.000	1.096.006.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>176.247.514.146</b>	<b>205.264.971.166</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	143.539.985.382	178.807.338.971
Phải trả người bán và phải trả khác	105.236.260.804	107.439.533.963
Chi phí phải trả	11.151.604.223	6.589.694.331
<b>Tổng cộng</b>	<b>259.927.850.409</b>	<b>292.836.567.265</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày cuối kỳ do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### ▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

#### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2013	01/01/2013	30/06/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	2.348.838,99	5.321.735,66	254.338,24	228.593,16
Euro (EUR)	-	-	949,84	949,84

#### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

#### Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

### ▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 10 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	105.236.260.804	-	105.236.260.804
Chi phí phải trả	11.151.604.223	-	11.151.604.223
Các khoản vay	69.469.576.326	74.070.409.056	143.539.985.382

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 10 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	107.439.533.963	-	107.439.533.963
Chi phí phải trả	6.589.694.331	-	6.589.694.331
Các khoản vay	104.999.084.795	73.808.254.176	178.807.338.971

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 10 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	160.051.821.458	-	160.051.821.458
Đầu tư dài hạn	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	1.096.006.000	1.096.006.000

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 10 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	156.474.051.816	-	156.474.051.816
Đầu tư dài hạn	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	1.096.006.000	1.096.006.000

**11. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**12. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 đã được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 13 tháng 08 năm 2013.

Đồng Nai, ngày 13 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC






LÝ PHÁT

NGUYỄN HOÀNG

LÊ QUỐC TUYẾN



**Phu lục 1: Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2013**

**1. Phải thu khách hàng:**

	<b>Số tiền</b>
Công ty Liên Doanh Unilever Việt Nam	43.431.648.345
Công ty Frieslandcampina Việt Nam	19.720.817.314
Công ty Cổ phần Công nghiệp MASAN	6.471.606.570
Công ty Cổ phần Bột giặt NET	5.071.999.586
Công ty Pepsico Việt Nam	3.745.592.817
Công ty Cổ phần hữu hạn Vedan Việt Nam	3.257.253.751
Công ty TNHH Midea Consumer Electric Việt Nam	4.729.479.480
Chi nhánh Công ty Pepsico Việt Nam tại Thành phố Cần Thơ	3.284.914.645
Chi nhánh Công ty Pepsico Việt Nam tại Tỉnh Đồng Nai	3.098.940.734
Khác	67.316.657.040
<b>Cộng</b>	<b>160.128.910.282</b>

**2. Phải trả người bán:**

	<b>Số tiền</b>
Công ty TNHH Xưởng Giấy Chánh Dương	39.713.603.600
Công ty TNHH Hiang Seng Fibre Container	7.419.938.036
Công ty Cổ phần Giấy An Bình	9.997.232.410
Công ty TNHH Hsieh Hsu Machinery	5.515.113.300
Công ty TNHH Vina Kraft Paper	4.333.348.250
Công ty TNHH Sakata Inx Việt Nam	2.952.045.800
Công ty TNHH TM XD DV Hồng Tín	2.537.087.567
Hanwha Corporation	2.879.634.658
Khác	29.888.082.183
<b>Cộng</b>	<b>105.236.085.804</b>